

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Ngọc Kiều;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Ngọc T1, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện U, tỉnh C .

- Bị đơn: Anh Lê Quốc T2, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc T1 trình bày:

Chị và anh Lê Quốc T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung Lê Quốc P, sinh ngày 02/6/2003 và Lê Anh N, sinh ngày 12/4/2005. Nguyên nhân ly hôn do chồng chung sống với người khác và hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 2 năm nay. Chị xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không còn

hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giả quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quốc T2.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Quốc P sinh ngày 02/6/2003 và Lê Anh N, sinh ngày 12/4/2005. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng sống với chị nên chị đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Quốc T2 vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2019 thể hiện anh T2 không còn ở địa phương, không biết đi đâu nhưng có về nhà. Hai người con chung hiện đang ở với chị T1. Chưa có người yêu cầu giải quyết nợ giữa anh T2, chị T1.

- Tại đơn yêu cầu ngày 17/5/2019 Lê Quốc P và Lê Anh N đều có nguyện vọng sống với mẹ sau khi anh T2 và chị T1 ly hôn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc ly hôn. Về con chung: giao hai con chung cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự xác định không yêu cầu nên không xem xét. Án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của chị Đào Thị Ngọc T1 được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Quốc T2 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng (niêm yết công khai các văn bản tố tụng) nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Quốc T2.

[2] Về nội dung: Chị Đào Thị Ngọc T1 và anh Lê Quốc T2 chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Đào Thị Ngọc T1 và anh Lê Quốc T2 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Đào Thị Ngọc T1 và anh Lê Quốc T2 xảy ra mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Đối với yêu cầu của chị Đào Thị Ngọc T1, anh Lê Quốc T2 không có ý kiến. Theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau... và cùng chung sống với nhau nhưng tại phiên tòa, chị T1

xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, hiện anh T2 không còn chung sống với chị T1, chị T1 vẫn giữ yêu cầu ly hôn đều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Ngọc T1 là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: tên Lê Quốc P sinh ngày 02/6/2003 và Lê Anh N, sinh ngày 12/4/2005 hiện đang do chị T1 nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng sống với chị T1 sau khi ly hôn. Anh T2 không có ý kiến, chị T1 đồng ý nuôi hai con chung, do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao hai con chung tên Lê Quốc P sinh ngày 02/6/2003 và Lê Anh N, sinh ngày 12/4/2005 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Tài sản chung: Chị T1 xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Chị Đào Thị Ngọc T1 xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 **Điều 227;** Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân chị Đào Thị Ngọc T1 được ly hôn với anh Lê Quốc T2.

- Con chung: Tên Lê Quốc P sinh ngày 02/6/2003 và Lê Anh N, sinh ngày 12/4/2005 giao cho chị Đào Thị Ngọc T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Tài sản chung: Chị T1 xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Chị Đào Thị Ngọc T1 xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Đào Thị Ngọc T1 phải nộp 300.000 đồng, chị Đào Thị Ngọc T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004248 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Đào Thị Ngọc T1 đã nộp xong.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng